

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HỌC: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, KHỐI LỚP 7

(Năm học 2024 - 2025)

(Kèm theo Kế hoạch Số 662/KH- TrTHCS, ngày 27/8/2024 của trường THCS Hồng Thái Đông)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 5 ; Số học sinh: 222

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 25; Trình độ đào tạo: Đại học: 24; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 22; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0 (03 GV hợp đồng dưới 01 năm)

3. Thiết bị dạy học: Các thiết bị dạy học có thể sử dụng dạy học môn học/hoạt động giáo dục

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	1/GV	Tất cả các bài học	Trừ các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì
2	Ti vi	1/Lớp	Tất cả các bài trong chương trình	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phần Lịch sử

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
HỌC KÌ I				
CHƯƠNG I. TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI				

1	Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (3 tiết)	1,2,3	1. Về kiến thức - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu. - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa Giáo - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm. - Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm - Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: + Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học. + Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được vai trò của thành thị trung đại - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Mô tả được sự ra đời của Thiên chúa giáo. + Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa kinh tế trong thành thị trung đại với kinh tế của lãnh địa. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực tìm hiểu thông tin về quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.	
---	---	-------	---	--

			- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những thành tựu của nền văn minh châu Âu để lại cho nhân loại.	
2	Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lý và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu (2 tiết)	4,5	1. Về kiến thức - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lý lớn trên thế giới. - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lý. - Trình bày được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm. - Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được ý kiến, sản phẩm của nhóm, đánh giá các sản phẩm của các bạn trong nhóm hoặc của nhóm khác; có thái độ hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm. - Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: + Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. + Đọc lược đồ, phân biệt được hành trình của 4 cuộc phát kiến địa lý. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Kỹ năng chỉ lược đồ, đọc thông tin trên lược đồ, trình bày trên lược đồ về những nội dung chính của phần hoặc của bài. - Vận dụng: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.	

			3. Về phẩm chất - Nhân ái: Khâm phục tấm gương làm việc khoa học, tinh thần quả cảm, hi sinh của các nhà hàng hải thời trung đại, trân trọng những giá trị họ để lại cho thời đại. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu, các cuộc phát kiến địa lí, cải cách tôn giáo... +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh về sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo, sự du nhập của Thiên Chúa giáo vào Việt Nam; hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí (Có thể tích hợp liên môn).	
3	Bài 3. Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo (3 tiết)	6,7,8	1. Về kiến thức - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo. - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản và tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn trong hoạt động nhóm. - Giao tiếp và hợp tác: HS cùng làm việc, chia sẻ ý tưởng, hỗ trợ nhau để thực hiện các nhiệm vụ như trình bày những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hóa Phục hưng, nêu ý nghĩa và tác động của phong trào văn hóa Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.... - Giải quyết vấn đề sáng tạo: phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.	

			* Năng lực đặc thù - <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử:</i> HS nêu được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hóa Phục hưng, giải thích được nguyên nhân và trình bày được tác động của phong trào Cải cách tôn giáo. - <i>Vận dụng:</i> Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: có ý thức chuẩn bị nhiệm vụ học tập Gv giao trước, trong và sau bài học. - Trách nhiệm: có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động chung như nhóm, cặp đôi. - Nhân ái: khâm phục, ngưỡng mộ, tôn trọng sự lao động nghệ thuật và sáng tạo của các nhà văn hóa thời Phục hưng.	
CHƯƠNG II. TRUNG QUỐC VÀ ÁN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI				
4	Bài 4. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (3 tiết)	9,10,11	1. Về kiến thức - Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh); - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường; - Mô tả được sự phát triển kinh tế của Trung Quốc dưới thời Minh - Thanh; - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hóa Trung Quốc từ thế kỷ VII đến giữa thế kỷ XIX (Nho giáo, Sử học, Kiến trúc,...). 2. Về năng lực * Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù	

			- <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử:</i> + Biết đọc trực thời gian bảng niên biểu về các triều đại Trung Quốc. + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> Bước đầu biết vận dụng phương pháp lịch sử để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu văn hóa. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các sự kiện và nhân vật lịch sử. - Nhân ái: Tôn trọng văn hóa, tự do tín ngưỡng của dân tộc khác. - Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm. - Trung thực: Hiểu được Trung Quốc là một quốc gia phong kiến lớn điển hình ở phương Đông, đồng thời là một nước láng giềng gần gũi của Việt Nam, có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển lịch sử Việt Nam. - Trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong những thành tựu tiêu biểu của Trung Quốc. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu sơ lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc những thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh, kể chuyện về sơ đồ tiến trình phát triển kinh tế, văn hóa, quân sự Trung Quốc ảnh hưởng tới Việt Nam từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Có thể tích hợp liên môn).	
5	Bài 5. Ấn Độ từ thế kỉ IV	12	1. Về kiến thức - Nêu được nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ	

	đến giữa thế kỉ XIX (3 tiết)		- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Ấn Độ thời các vương triều Gúp-ta, Đê-li và Mô-gôn. - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu văn hóa của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. 2. Về năng lực * Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học</i>: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác</i>: Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - <i>Tìm hiểu lịch sử</i>: Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử</i>: Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá hợp tác. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành vận dụng. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại. - Trách nhiệm: Liên hệ được ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Việt Nam. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu Vương triều Gupta, Vương triều Hồi giáo Deli, Đế quốc Mogul. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh ảnh về Vương triều Gupta, Vương triều Hồi giáo Deli, Đế quốc Mogul và sự ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ đến văn hóa Việt Nam	
6	Ôn tập giữa kì I (1 tiết)	13	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học (bài 1,2,3,4). 2. Về năng lực	

			* Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - Rèn khả năng phân tích, tổng hợp. - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác.	
7	Kiểm tra giữa kì I (1 tiết)	14	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học (bài 1,2,3,4). 2. Về năng lực *Năng lực chung: tự học; giải quyết vấn đề. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kĩ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh, phân tích... 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức tích cực, độc lập, tự giác khi làm bài.	
8	Bài 5. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (tiếp)	15,16	1. Về kiến thức - Nêu được nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Ấn Độ thời các vương triều Gúp-ta, Đê-li và Mô-gôn. - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu văn hóa của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. 2. Về năng lực * Năng lực chung: - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề	

			và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử:</i> Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá hợp tác. - <i>Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành vận dụng. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại. - Trách nhiệm: Liên hệ được ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến Việt Nam.	
CHƯƠNG III. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI				
9	Bài 6. Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (2 tiết)	17,18	1. Về kiến thức - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. 2. Về năng lực * Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - <i>Tìm hiểu lịch sử:</i> + Đọc và chỉ được ra tên các vương quốc phong kiến trên lược đồ. + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - <i>Nhận thức và tư duy lịch sử:</i> Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến	

			ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành vận dụng. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Tự hào về khu vực Đông Nam Á ngày càng kết nối chặt chẽ trong nhiều thế kỉ, tạo nền tảng vững chắc để hoà nhập vào sự phát triển của thế giới hiện nay. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu khái quát về Đông Nam Á, đặc biệt là Vương quốc Campuchia, Vương quốc Lào. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa về Đông Nam Á, đặc biệt Vương quốc Campuchia, Vương quốc Lào. Tình đoàn kết hữu nghị giữa 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia.	
10	Bài 7. Vương Quốc Lào (2 tiết)	19,20	1. Về kiến thức - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.	

			- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành vận dụng. 3. Về phẩm chất - Trung thực: Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á. - Trách nhiệm: Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Lào.	
11	Bài 8. Vương Quốc Cam-pu-chia (2 tiết)	21,22	1. Về kiến thức - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học. + Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam pu chia, nhận biết sự phát triển của vương quốc Cam pu chia thời Ăng co. + Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của vương quốc Cam pu chia. - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Xác định trên bản đồ các quốc gia Cam-pu-chia + Nhận xét và đánh giá sự phát triển của vương quốc Cam pu chia thời Ăng – co	

			+ Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn về những thành tựu văn hóa thời phong kiến HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm về quá trình phát triển của khu vực. 3. Về phẩm chất - Trung thực: Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á. - Trách nhiệm: Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Cam-pu-chia.	
12	Chủ đề chung 2. ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI – Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại – Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (3 tiết)	23	1. Về kiến thức - Phân tích được các điều kiện địa lý và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể). - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại. 2. Về năng lực * Năng lực chung: - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá hợp tác. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng. 3. Về phẩm chất	

			- Trách nhiệm:Biết trân trọng những giá trị di sản văn hoá của nhân loại, kế thừa phát huy trong công cuộc phát triển đất nước.	
13	Ôn tập cuối kì I (1 tiết)	24	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học (bài 5,6,7,8). 2. Về năng lực * Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học</i> : Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác</i> : Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i> : Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá - Rèn khả năng phân tích, tổng hợp. 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính chăm chỉ và tự giác.	
14	Kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	25	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học (bài 5,6,7,8). 2. Về năng lực *Năng lực chung : tự học; giải quyết vấn đề. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kĩ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh, phân tích... 3. Về phẩm chất - Có ý thức tích cực, độc lập, tự giác khi làm bài.	
15	Chủ đề chung 2. ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI	26,27	1.Về kiến thức - Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể). - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại. 2. Về năng lực	

	– Các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại – Các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (tiếp theo)		* Năng lực chung: - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá hợp tác. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm: Biết trân trọng những giá trị di sản văn hoá của nhân loại, kế thừa phát huy trong công cuộc phát triển đất nước.	
--	--	--	---	--

HỌC KÌ II

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
CHƯƠNG IV. ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VUA TRIỀU NGÔ – ĐÌNH – TIỀN LÊ (939 – 1009)				
16	Bài 9. Đất nước buổi đầu độc lập (939-967) (2 tiết)	28,29	1. Về kiến thức - Nêu được những nét chính về tổ chức chính quyền, đời sống xã hội và văn hoá dưới thời Ngô Quyền. - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Làm việc độc lập để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của thầy cô giao.	

			- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tích cực trao đổi nội dung để hoàn thiện nội dung học tập - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thấy được những việc làm cụ thể của Đinh Bộ Lĩnh trong việc chấm dứt tình trạng cát cứ đưa Đất nước trở lại bình yên. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được thông tin tư liệu kênh chữ, kênh hình trong SGK để tìm hiểu tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô Quyền, Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh trong công cuộc thống nhất Đất nước. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả được tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô Quyền, nhận xét công lao của Ngô Quyền và Đinh Bộ Lĩnh. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Qua bài học để liên hệ công cuộc thống nhất thời nay 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Giáo dục ý thức độc lập tự chủ của dân tộc, thống nhất đất nước của mọi người dân. - Nhân ái: Yêu quý các nhân vật lịch sử có công lao xây dựng đất nước - Chăm chỉ: Chăm chỉ trong học tập, nghiên cứu tài liệu - Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ và phát huy công lao của các anh hùng dân tộc.	
17	Bài 10. Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009) (2 tiết)	30,31	1. Về kiến thức - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Đinh-Tiền Lê. - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Đinh - Tiền Lê. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Độc lập làm việc để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: trình bày được vấn đề trước tập thể lớp, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.	

			- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng thông tin SGK để tìm hiểu về quá trình xây dựng đất nước và tổ chức bộ máy, đời sống kinh tế văn hóa thời Đinh – Tiền Lê. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả được tổ chức bộ máy triều đình trung ương thời Tiền Lê. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức bộ máy triều đình trung ương thời Tiền Lê liên hệ với tổ chức bộ máy nhà nước thời nay. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Biết ơn đối với những người có công xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời kì đầu giành lại độc lập ý thức độc lập tự chủ của dân tộc, thống nhất đất nước của mọi người dân. - Trách nhiệm: Thấy được trách nhiệm bảo tồn các công trình văn hóa thời Đinh – Tiền Lê. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu lịch sử Việt Nam từ năm 938 đến đầu thế kỉ XVI +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa, kể chuyện cha ông ta đánh giặc giữ nước, mở mang bờ cõi, xây dựng nền tự chủ.	
CHƯƠNG V. ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)				
18	Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 – 1225) (3 tiết)	32,33, 34	1. Về kiến thức - Trình bày được những nét chính về thành lập nhà Lý. - Đánh giá được ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý. - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục. 2. Về năng lực	

			*Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Độc lập làm việc để giải quyết vấn đề bài học, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: trình bày được vấn đề trước tập thể lớp, có trách nhiệm trong hoạt động nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập. *Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử: Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu việc thành lập nhà Lý. - Nhận thức và tư duy lịch sử: Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Qua bài học để liên hệ công cuộc thống nhất thời nay 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Lòng tự hào dân tộc. - Trách nhiệm: Ý thức chấp hành pháp luật và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.	
19	Bài 12. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077) (2 tiết)	35,36	1. Về kiến thức - Đánh giá được những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077). - Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. * Năng lực đặc thù - Tìm hiểu lịch sử:	

			+ Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV. + Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng lược đồ trong khi học và trả lời câu hỏi. - Nhận thức và tư duy lịch sử: + Rèn luyện kỹ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kỹ năng so sánh, đánh giá, hợp tác. + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử (tấn công để tự vệ), rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý để lại bài học gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Giáo dục tinh thần yêu nước, bồi dưỡng lòng dũng cảm, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược. - Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm. - Nhân ái: yêu thương con người (kết thúc đấu tranh bằng biện pháp hòa bình để khỏi tổn xương máu của nhân dân cả 2 bên) *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu tác phẩm Nam Quốc Sơn Hà của Lý Thường Kiệt +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa, kể chuyện cha ông ta đánh giặc giữ nước (Có thể tích hợp liên môn).	
20	Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 –1400) (3 tiết)	37	1. Về kiến thức - Mô tả được sự thành lập nhà Trần. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần. - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt thời Trần. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.	

			- Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học để rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm: Bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước. - Yêu nước: Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho HS.	
21	Ôn tập giữa kì II (1 tiết)	38	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học (bài 9,10,11,12). 2. Về năng lực *Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá - Rèn khả năng phân tích, tổng hợp. 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học.	

			- Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính chăm chỉ và tự giác.	
22	Kiểm tra giữa kì II (1 tiết)	39	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học (bài 9,10,11,12). 2. Về năng lực *Năng lực chung: tự học; giải quyết vấn đề. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kỹ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh, phân tích... 3. Về phẩm chất - Có ý thức tích cực, độc lập, tự giác khi làm bài	
23	Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 –1400) (Tiếp theo)	40,41	1. Về kiến thức - Mô tả được sự thành lập nhà Trần. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần. - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt thời Trần. 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:</i> Vận dụng kiến thức đã học để rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm: Bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước.	

			-Yêu nước: Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho HS.	
24	Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên (3 tiết)	42,43, 44	1. Về kiến thức - Lập được sơ đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. - Nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân và dân Đại Việt. - Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, ... 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học</i>: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác</i>: Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: + Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ trong khi học và trả lời câu hỏi. + Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. + Biết phân tích, so sánh, đối chiếu diễn biến giữa ba lần kháng chiến. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học</i>: Vận dụng kiến thức đã học để rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống. 3. Về phẩm chất	

			- Yêu nước, trách nhiệm: Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu tác phẩm Hịch Tướng Sĩ của Trần Quốc Tuấn. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa, kể chuyện cha ông ta đánh giặc giữ nước (Có thể tích hợp liên môn).	
25	Bài 15. Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407) (2 tiết)	45,46	1. Về kiến thức - Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. - Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu và tác động của cải cách Hồ Quý Ly đối với xã hội thời nhà Hồ. - Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ và giải thích được nguyên nhân thất bại. 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về nước Đại Ngu thời Hồ - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Vận dụng hiểu biết về nước Đại Ngu thời Hồ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tự hào và trân trọng về những giá trị của lịch sử dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.	

			-Trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam.	
CHƯƠNG VI. KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 – 1527)				
26	Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) (2 tiết)	47,48	1. Về kiến thức - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, ... 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học</i>: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác</i>: Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử</i>: Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về khởi nghĩa Lam Sơn. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử</i>: Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i>: Vận dụng hiểu biết về khởi nghĩa Lam Sơn để thuyết trình về chiến lược chiến tranh nhân dân trong lịch sử dân tộc. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tự hào và trân trọng về truyền thống đánh giặc cứu nước để bảo vệ nền độc lập dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ và phát huy truyền thống lịch sử văn hoá tốt đẹp của dân tộc.	

27	Bài 17. Đại Việt thời Lê sơ (1418 – 1527) (2 tiết)	49	1. Về kiến thức - Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. - Nhận biết được tình hình kinh tế - xã hội thời Lê sơ. - Giới thiệu được sự phát triển văn hoá và giáo dục và một số danh nhân tiêu biểu thời Lê sơ. 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê sơ. - <i>Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:</i> Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - <i>Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:</i> Vận dụng hiểu biết về những thành tựu của Vương triều Lê sơ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tự hào và trân trọng về những giá trị lịch sử văn hoá của dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam.	
28	Ôn tập cuối kì II (1 tiết)	50	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học (bài 13,14,15,16,17,18). 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả.	

			- <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá - Rèn khả năng phân tích, tổng hợp. 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính chăm chỉ và tự giác.	
29	Kiểm tra cuối kì II (1 tiết)	51	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học (bài 13,14,15,16,17,18). 2. Về năng lực *Năng lực chung: tự học; giải quyết vấn đề. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kĩ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh, phân tích... 3. Về phẩm chất - Có ý thức tích cực, độc lập, tự giác khi làm bài.	
30	Bài 17. Đại Việt thời Lê sơ (1418 – 1527) (tiếp theo)	52	1. Về kiến thức - Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. - Nhận biết được tình hình kinh tế - xã hội thời Lê sơ. - Giới thiệu được sự phát triển văn hoá và giáo dục và một số danh nhân tiêu biểu thời Lê sơ. 2. Về năng lực *Năng lực chung - <i>Tự chủ và tự học:</i> Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - <i>Giao tiếp và hợp tác:</i> Làm việc nhóm hiệu quả. - <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - <i>Năng lực tìm hiểu lịch sử:</i> Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê sơ.	

			- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng hiểu biết về những thành tựu của Vương triều Lê sơ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Tự hào và trân trọng về những giá trị lịch sử văn hoá của dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam.	
CHƯƠNG VII. VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI				
31	Bài 18. Vương quốc Chăm - pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI (1 tiết)	53	1. Về kiến thức - Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. - Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hoá của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Tự chủ và tự học: Khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học. - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm hiệu quả. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, nhận xét, đánh giá vấn đề và liên hệ thực tiễn. *Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học để rút ra những bài học kinh nghiệm trong cuộc sống.	

			3. Về phẩm chất - Trách nhiệm: Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại.	
--	--	--	---	--

2. Phần Địa lí

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
CHƯƠNG I. CHÂU ÂU				
1	Bài 1. Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu (3 tiết)	1,2,3	1. Về kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuýp, Vôn-ga); các đới thiên nhiên ở châu Âu. 2. Về năng lực + Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định vị trí, phạm vi, sự phân bố), giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, biểu đồ, hình ảnh, video). + Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất - Nhân ái: Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên. - Chăm chỉ: Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	

2	Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu (2 tiết)	4,5	1. Về kiến thức: - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. - Phân tích được bảng số liệu về dân cư. - Đọc được bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020 2. Về năng lực: +Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề +Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: giải thích hiện tượng và quá trình địa lí dân cư - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất -Chăm chỉ: Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.	
3	Bài 3. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu (2 tiết)	6,7	1. Về kiến thức: - Trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. - Biết cách khai thác thông tin qua hình ảnh. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề +Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất - Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ thiên nhiên. - Yêu khoa học, ham học hỏi.	
4	Bài 4. Liên minh châu Âu	8	1. Về kiến thức:	

	(1 tiết)		- Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. - Đọc được bản đồ các nước thành viên của Liên minh châu Âu. - Phân tích bảng số liệu về các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề +Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống 3. Về phẩm chất - Yêu khoa học, ham học hỏi. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Âu; đặc điểm tự nhiên, cơ cấu dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng, bảo vệ thiên nhiên. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh (hoặc tích hợp lồng ghép liên môn) giúp học sinh nắm được tầm ảnh hưởng của châu Âu tới toàn thế giới nói chung, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam nói riêng đặc biệt là quốc phòng an ninh, an ninh lương thực, môi trường...	
CHƯƠNG II. CHÂU Á				
5	Bài 5. Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Á (3 tiết)	9,10,11	1. Về kiến thức: - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. - Xác định được vị trí châu Á trên bản đồ. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. - Xác định được trên bản đồ các đới và kiểu khí hậu ở châu Á. 2. Về năng lực:	

			+Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề +Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, hình ảnh, video,...). - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất - Nhân ái, trách nhiệm: Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học; sử dụng hợp lí, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên; phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu).	
6	Ôn tập giữa kì I (1 tiết)	12	1. Về kiến thức: - củng cố kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 5. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề về tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội, môi trường ở châu Âu. Đặc điểm tự nhiên châu Á. 2. Về năng lực: +Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề +Năng lực đặc thù: - Năng lực sử dụng các công cụ của Địa lí học và năng lực giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí qua bản đồ, biểu đồ của châu Âu. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, tích cực học tập, hệ thống hóa kiến thức.	
7	Kiểm tra giữa kì I (1 tiết)	13	1. Về kiến thức: - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 1 đến bài 5 ở các mức độ: biết, hiểu,	

			vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Về năng lực: - Nhận xét, phân tích, khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu; phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - <i>Trung thực</i>: tự giác, nghiêm túc điều chỉnh bản thân trong quá trình học tập - <i>Trách nhiệm</i>: rèn luyện, hoàn thành mục đích đặt ra trong học tập.	
8	Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á (3 tiết)	14,15,16	1. Về kiến thức: - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, khai thác số liệu. - Biết cách sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề + Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Có những hiểu biết trung thực, khách quan về đặc điểm dân cư, tôn giáo, sự phân bố dân cư, các đô thị lớn ở châu Á và ảnh hưởng của các yếu tố đó đến sản xuất và đời sống. - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.	

			- Có tinh thần chung sống hoà bình, hợp tác và sẻ chia, tôn trọng nét khác biệt trong văn hoá, xã hội giữa các khu vực của châu Á.	
9	Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á (3 tiết)	17,18, 19	1. Về kiến thức: - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực của châu Á. - Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội, phân tích được mối quan hệ giữa các đối tượng; nhận thức sự phân bố trong không gian, vị trí địa lí,... - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Có những hiểu biết đúng đắn về các khu vực của châu Á. - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. - Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Á; đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội; bản đồ chính trị, các khu vực, các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh về một số nước có nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á; xác định được vị trí địa lí, chính trị, kinh tế, quân sự của Việt Nam trong bản đồ khu vực châu Á.	

10	Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (1 tiết)	20	1. Về kiến thức: - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po. - Biết thu thập, xử lý thông tin, số liệu thống kê, biểu đồ, bản đồ của một quốc gia. - Rèn luyện kỹ năng viết, trình bày báo cáo. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí để phân tích nghiên cứu một đối tượng Địa lí. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng Địa lí để viết báo cáo. 3. Về phẩm chất: - Có hiểu biết về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á, có ý thức xây dựng đất nước ngày càng phát triển. - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức từ các phương tiện truyền thông phục vụ cho học tập. - Yêu khoa học, ham học hỏi.	
CHƯƠNG 3. CHÂU PHI				
11	Bài 9. Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Phi (3 tiết)	21,22,23	1. Về kiến thức: - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi. - Phân tích được một trong những đặc điểm tự nhiên của châu Phi, một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (ví dụ vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,..) - Biết phân tích một số vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên châu Phi.	

			2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo. 3. Về phẩm chất: - Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ những loài thực vật, động vật hoang dã, có nguy cơ tuyệt chủng. - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	
12	Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi (2 tiết)	24	1. Về kiến thức: - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi. - Rèn luyện kĩ năng phân tích, khai thác số liệu. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo. 3. Về phẩm chất: - Đồng cảm, chia sẻ với những khó khăn của cộng đồng dân cư các nước châu Phi. - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội.	

			*Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Phi; đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội; phương thức con người khai thác, sử dụng, bảo vệ thiên nhiên. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh về vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác...; vấn nạn đói; vấn đề xung đột quân sự giữa các quốc gia, bộ tộc tại châu Phi (có thể tích hợp liên môn).	
13	Ôn tập cuối kì I (1 tiết)	25	1. Về kiến thức: - củng cố kiến thức cơ bản từ bài 6 đến bài 9. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề về tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội, môi trường ở châu Á, đặc điểm tự nhiên châu Phi. 2. Về năng lực: - Năng lực sử dụng các công cụ của Địa lí học và năng lực giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí qua bản đồ, biểu đồ của châu Á, châu Âu 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ, tích cực học tập, hệ thống hóa kiến thức.	
14	Kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	26	1. Về kiến thức: - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 6 đến bài 9 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Về năng lực: - Nhận xét, phân tích, khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu; phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.	

			3. Về phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> tự giác, nghiêm túc điều chỉnh bản thân trong quá trình học tập - <i>Trách nhiệm:</i> rèn luyện, hoàn thành mục đích đặt ra trong học tập.	
15	Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi (Tiếp theo)	27	1. Về kiến thức: - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, khai thác số liệu. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: Giải thích hiện tượng và quá trình địa lí kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng Địa lí để viết báo cáo. 3. Về phẩm chất: - Đồng cảm, chia sẻ với những khó khăn của cộng đồng dân cư các nước châu Phi. - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: + Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Phi; đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội; phương thức con người khai thác, sử dụng, bảo vệ thiên nhiên. + Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh về vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác...; vấn nạn đói; vấn đề xung đột quân sự giữa các quốc gia, bộ tộc tại châu Phi (có thể tích hợp liên môn).	
HỌC KÌ II				

16	Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Phi (2 tiết)	28,29	1. Về kiến thức: - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. - Rèn luyện kĩ năng so sánh cách thức khai thác thiên nhiên ở các môi trường với nhau. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mối quan hệ giữa đối tượng tự nhiên và đối tượng kinh tế - xã hội. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào thực tế. 3. Về phẩm chất: - Hiểu rõ thiên nhiên, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên. - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	
17	Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu khái quát Cộng hòa Nam Phi (1 tiết)	30	1. Về kiến thức: - Biết cách sưu tầm tư liệu, tài liệu về Cộng hoà Nam Phi. - Trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. - Biết phân tích, khai thác dữ liệu, tư liệu. - Rèn luyện kĩ năng viết, trình bày báo cáo. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. - Năng lực nhận thức Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí để phân tích nghiên cứu một đối tượng Địa lí. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..)	

			- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí để viết báo cáo. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức từ các phương tiện truyền thông phục vụ cho học tập. - Yêu khoa học, yêu môn Địa lí, thích khám phá	
CHỦ ĐỀ CHUNG 1. CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ				
18	Chủ đề chung 1. Các cuộc đại phát kiến Địa lí (3 tiết)	31,32,33	1. Về kiến thức: - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí. - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). - Phân tích được những tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Đọc và chỉ ra được hành trình của các cuộc phát kiến địa lí trên lược đồ. - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong các bài học dưới sự hướng dẫn của GV. 3. Về phẩm chất: - Bồi dưỡng tinh thần dũng cảm, yêu thích khám phá cái mới, tinh thần đoàn kết các dân tộc; đồng thời giúp HS hiểu giá trị của lao động, căm ghét bóc lột, áp bức. - Biết quý trọng những di sản văn hóa các dân tộc trên thế giới,...	
CHƯƠNG 4. CHÂU MỸ				
19	Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi	34	1. Về kiến thức: - Trình bày được khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.	

	châu Mỹ. Sự phát kiến ra châu Mỹ (1 tiết)		- Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Cri-xtô phơ Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502). - Xác định được vị trí và phạm vi châu Mỹ trên bản đồ tự nhiên châu Mỹ. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, phân tích mối quan hệ giữa các hiện tượng lịch sử, địa lí. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, niềm đam mê học hỏi, khám phá miền đất mới. - Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: + Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ; phát kiến ra châu Mỹ; đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội các khu vực châu Mỹ; phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên. + Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa về vấn đề nhập cư và chủng tộc; vấn đề đô thị hóa; vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon (có thể tích hợp liên môn).	
20	Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ	35,36	1. Về kiến thức: - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình. khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.	

	(2 tiết)		- Xác định được các đối tượng trên bản đồ tự nhiên, bản đồ các đới khí hậu, bản đồ các đới thiên nhiên. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù: - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ thiên nhiên. - Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	
21	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội, phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ (3 tiết)	37	1. Về kiến thức: - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình. khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ. - Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ - Xác định được các luồng nhập cư vào Bắc Mỹ trên lược đồ - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế- xã hội	

			- Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Cso nhận thức đúng đắn về các vấn đề dân cư, xã hội ở Bắc Mỹ - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi.	
22	Ôn tập giữa học kì II (1 tiết)	38	1. Về kiến thức: - củng cố kiến thức cơ bản từ bài 10 đến bài 14. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề về dân cư, kinh tế, xã hội, môi trường ở châu Phi. Lịch sử các cuộc phát kiến Địa lí. - Đặc điểm tự nhiên châu Mỹ. 2. Về năng lực: - Năng lực sử dụng các công cụ của Địa lí học và năng lực giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí qua bản đồ, biểu đồ của châu Phi, châu Mỹ. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ, tích cực học tập, hệ thống hóa kiến thức.	
23	Kiểm tra giữa học kì II (1 tiết)	39	1. Về kiến thức: - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 10 đến bài 14 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Về năng lực: - Nhận xét, phân tích, khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu; phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.	

			3. Về phẩm chất: - <i>Trung thực:</i> tự giác, nghiêm túc điều chỉnh bản thân trong quá trình học tập - <i>Trách nhiệm:</i> rèn luyện, hoàn thành mục đích đặt ra trong học.	
24	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội, phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ (tiếp theo)	40,41	1. Về kiến thức: - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình. khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ. - Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ - Xác định được các luồng nhập cư vào Bắc Mỹ trên lược đồ - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế- xã hội - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Cso nhận thức đúng đắn về các vấn đề dân cư, xã hội ở Bắc Mỹ - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội - Chăm chỉ: Tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi.	
25	Bài 16. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ	42,43	1. Về kiến thức: - Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông - tây, theo chiều bắc – nam, theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).	

	(2 tiết)		- Biết sử dụng các bản đồ để xác định phạm vi, các khu vực địa hình, các đới và kiểu khí hậu,... 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh,..) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Có ý thức bảo vệ thiên nhiên. - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	
26	Bài 17. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ, khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn (2 tiết)	44,45	1. Về kiến thức: - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ La-tinh. - Trình bày đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn. Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn. - Biết sử dụng bản đồ để xác định các đô thị lớn. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh, ...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất:	

			- Yêu thiên nhiên và có ý thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên theo hướng bền vững. - Yêu khoa học, biết khám phá, tìm hiểu các vấn đề xã hội. - Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên sách báo, internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi.	
CHƯƠNG 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC				
27	Bài 18. Châu Đại Dương (3 tiết)	46,47,48	1. Về kiến thức: - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a - Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a. - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. -Đọc được bản đồ phân bố lượng mưa trên lục địa Ô-xtrây-li-a -Khai thác được hình ảnh về tự nhiên, dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. +Năng lực đặc thù - Nhận thức khoa học Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (vị trí, phân bố, các bộ phận), giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên. Phân tích mối quan hệ giữa các đối tượng tự nhiên với phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở Ô-xtrây-li-a. -Tìm hiểu Địa lí : Sử dụng công cụ địa lí trong học tập. - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Có những hiểu biết đúng đắn về đặc điểm tự nhiên châu Đại Dương	

			-Yêu thiên nhiên; có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, sử dụng hợp lí, khai thác đi đôi phục hồi tài nguyên thiên nhiên...) -Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. *Lồng ghép GD An ninh quốc phòng: +Nội dung lồng ghép: Lồng ghép kiến thức QPAN qua việc tìm hiểu vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương; đặc điểm thiên nhiên các đảo, quần đảo và lục địa Australia; đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên. +Hình thức lồng ghép: Xem video, tranh, ảnh minh họa về những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia; phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia.	
28	Bài 19. Châu Nam Cực (2 tiết)	49	1. Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực. - Trình bày được những đặc điểm về vị trí địa lí và thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. - Phân tích được bản đồ và các hình ảnh vệ tinh châu Nam Cực. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. +Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định vị trí), giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên và của biến đổi khí hậu toàn cầu tới thiên nhiên ở châu Nam Cực. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh, ...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất:	

			- Có những hiểu biết đúng đắn về đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực. - Yêu thiên nhiên: Có ý thức bảo vệ tự nhiên giữa bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	
29	Ôn tập cuối học kì II (1 tiết)	50	1. Về kiến thức: - củng cố kiến thức cơ bản từ bài 15 đến bài 19. Vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn để nhận xét, phân tích và giải thích được nguyên nhân về các vấn đề về dân cư, kinh tế, xã hội, môi trường ở châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. 2. Về năng lực: - Năng lực sử dụng các công cụ của Địa lí học và năng lực giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí qua bản đồ, biểu đồ của châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. 3. Về phẩm chất: - Chăm chỉ, tích cực học tập, hệ thống hóa kiến thức.	
30	Kiểm tra cuối học kì II (1 tiết)	51	1. Về kiến thức: - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 15 đến bài 19 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Về năng lực: - Nhận xét, phân tích, khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu; phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Về phẩm chất:	

			-<i>Trung thực</i>: tự giác, nghiêm túc điều chỉnh bản thân trong quá trình học tập - <i>Trách nhiệm</i>: rèn luyện, hoàn thành mục đích đặt ra trong học.	
31	Bài 19. Châu Nam Cực (Tiếp theo)	52	1. Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực. - Trình bày được những đặc điểm về vị trí địa lí và thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. - Phân tích được bản đồ và các hình ảnh vệ tinh châu Nam Cực. 2. Về năng lực: + Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. + Năng lực đặc thù - Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định vị trí), giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên và của biến đổi khí hậu toàn cầu tới thiên nhiên ở châu Nam Cực. - Năng lực tìm hiểu Địa lí: sử dụng công cụ Địa lí (bản đồ, bảng số liệu, hình ảnh, ...) - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống. 3. Về phẩm chất: - Có những hiểu biết đúng đắn về đặc điểm tự nhiên châu Nam Cực. - Yêu thiên nhiên: Có ý thức bảo vệ tự nhiên giữa bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. - Yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi.	

2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ

Phần Lịch sử

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	Bài 1- > 8	5- 7 phút	Tuần 2->16	Câu hỏi, phiếu bài tập, Bài thực hành	Bài thực hành, các dự án học tập
Thường xuyên (2)	Bài 2,3	15 phút	Tuần 6	Đề kiểm tra, sản phẩm học tập	Bài thực hành, các dự án học tập
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2,3,4	45 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Lịch sử	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
ĐK - cuối học kì 1	Bài 5,6,7,8	45 phút	Tuần 17	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Lịch sử	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (3)	Bài 9->17	5-10 phút	Tuần 20 -> 33	Vở bài tập, câu hỏi KT miệng, Bài thực hành	Bài thực hành, các dự án học tập
Thường xuyên (4)	Bài 11,12	15 phút	Tuần 24	Câu hỏi KT , sản phẩm học tập	Bài thực hành, các dự án học tập
ĐK- giữa học kì 2	Bài 9,10,11,12	45 phút	Tuần 26	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Lịch sử	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
ĐK - cuối học kì 2	Bài 13->17	45 phút	Tuần 34	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Lịch sử	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)

Phần Địa lí

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	Bài 1->10	5- 7 phút	Tuần 1 đến tuần 16	Sản phẩm học tập, câu hỏi + bảng điểm	Bài thực hành, các dự án học tập.
Thường xuyên (2)	Bài 3,4	15 phút	Tuần 4	Đề kiểm tra, sản phẩm học tập	Bài thực hành, các dự án học tập.

ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2,3,4,5	45 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Địa lí	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
ĐK - cuối học kì 1	Bài 5->10	45 phút	Tuần 17	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Địa lí	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (3)	Bài 11->18	5-10 phút	Tuần 20 đến tuần 33	Sản phẩm học tập , phiếu đánh giá theo Rubic	Bài thực hành, các dự án học tập.
ĐK- giữa học kì 2	11,12,13,14	45 phút	Tuần 26	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Địa lí	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (2)	Bài 16,17	15 phút	Tuần 29	Sản phẩm học tập, Hồ sơ học tập	Bài thực hành, các dự án học tập.
ĐK - cuối học kì 2	Bài 14->18	45 phút	Tuần 34	Đề kiểm tra theo cấu trúc ma trận môn Địa lí	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)